

**BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT
CỦA CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG Ô TÔ**

I. LOẠI PHƯƠNG TIỆN CÓ THỂ THỰC HIỆN BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG VÀ SỬA CHỮA

Số TT	Nhãn hiệu	Số loại	Ghi chú
1	Ô tô con		
a)			
b)			
...			
2	Ô tô khách		
a)			
b)			
...			
3	Ô tô tải		
a)			
b)			
...			
4	Ô tô chuyên dùng		
a)			
b)			
...			

II. VỀ CÔNG SUẤT THIẾT KẾ VÀ NĂNG LỰC HIỆN TẠI CỦA CƠ SỞ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG:

1 Công suất thiết kế của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng:lượt xe/năm.

a) Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương) lượt xe/năm.

b) Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương) lượt xe/năm.

c) Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương) lượt xe/năm.

2 Công suất vận hành hiện tại của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng:..... lượt xe/năm.

a) Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương) lượt xe/năm.

b) Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương) lượt xe/năm.

c) Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương) lượt xe/năm.

III. VỀ DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG, SỐ LƯỢNG KHOANG PHỤC VỤ CÔNG VIỆC BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG

1 Tổng diện tích chung của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng: m².

2 Diện tích trực tiếp phục vụ cho công việc bảo hành, bảo dưỡng: m².

a) Khu vực phục vụ bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa chung (khung gầm, động cơ, điện, điều hòa, khu vực sửa chữa tổng thành và hệ thống)

- Diện tích: m²

- Số khoang bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa chung: Khoang

+ Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương): Khoang

+ Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương): Khoang

+ Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương): Khoang

- Số cầu nâng, hãm sửa chữa (nếu có)

+ Cầu nâng 2 trụ tải trọng nâng tối đakg: Chiếc

+ Cầu nâng 4 trụ tải trọng nâng tối đakg: Chiếc

+ Cầu nâng di động tải trọng nâng tối đakg: Chiếc

+ Cầu nâng:..... Chiếc

b) Khu vực phục vụ gò, hàn và sơn

- Diện tích:		m ²
- Số khoang gò, hàn và sơn:		Khoang
+ Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương):		Khoang
+ Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương):		Khoang
+ Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương):		Khoang
+ Số buồng sơn, buồng sơn sấy:		Buồng
- Số cầu nâng (nếu có)		
+ Cầu nâng 2 trụ tải trọng nâng tối đakg:		Chiếc
+ Cầu nâng 4 trụ tải trọng nâng tối đakg:		Chiếc
+ Cầu nâng di động tải trọng nâng tối đakg:		Chiếc
+ Cầu nâng:.....		Chiếc

c) Khu vực kiểm tra xuất xưởng

- Diện tích:		m ²
- Số khoang phục vụ kiểm tra xuất xưởng:		Khoang
+ Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương):		Khoang
+ Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương):		Khoang
+ Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương):		Khoang
- Số cầu nâng, mễ kê, hầm kiểm tra (nếu có)		
+ Cầu nâng:		
• Cầu nâng 2 trụ tải trọng nâng tối đakg:		Chiếc
• Cầu nâng 4 trụ tải trọng nâng tối đakg:		Chiếc
• Cầu nâng di động tải trọng nâng tối đakg:		Chiếc
• Cầu nâng:		Chiếc
+ Hầm kiểm tra		

• Số lượng

d) Khu vực rửa xe

- Diện tích:		m ²
- Số khoang rửa xe:		Khoang
+ Ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương):		Khoang
+ Khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương):		Khoang
+ Khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương):		Khoang

Ghi chú:

+ Diện tích 01 khoang bảo dưỡng, sửa chữa ô tô con, khách cỡ nhỏ, xe tải nhỏ (hoặc cỡ tương đương):

m²

D:..... x R:

+ Diện tích 01 khoang bảo dưỡng, sửa chữa xe khách cỡ trung, xe tải hạng trung (hoặc cỡ tương đương):

m²

D:..... x R:

+ Diện tích 01 khoang bảo dưỡng, sửa chữa xe khách cỡ lớn, xe tải hạng nặng (hoặc cỡ tương đương):

m²

D:..... x R:

IV. VỀ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG (xem chi tiết tại danh mục các trang thiết bị bảo hành, bảo dưỡng đính kèm)

V. VỀ NHÂN LỰC PHỤC VỤ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG (xem chi tiết tại danh mục nhân lực của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng đính kèm)

CƠ SỞ BẢO HÀNH
(Ký tên và đóng dấu)

Nguồn: Nghị định 116/2017/NĐ-CP